

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/HNGĐ-PT
Ngày 15/8/2017
V/v tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung

Ông Nguyễn Xuân Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2017/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về “*Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 02/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2017/QĐ-PT ngày 20/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn H1; địa chỉ: thôn Đ1, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Hoàng Văn H2; địa chỉ: thôn Đ1, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Xuân Anh P - Luật sư của Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: số 02 Nguyễn Văn B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Q; địa chỉ: thôn Đ2, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. NLQ1; địa chỉ: thôn Đ1, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

3.2. NLQ2; địa chỉ: thôn Đ2, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

3.3. NLQ3; địa chỉ: tổ 1, khối 7, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

(Các đương sự đều vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai).

3.4. NLQ4; Hội đồng giải thể Công ty T – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. NLC1; địa chỉ: thôn Đ2, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

4.2. NLC2; địa chỉ: thôn Đ1, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

4.3. NLC3; địa chỉ: thôn Đ1, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: nguyên đơn anh Hoàng Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/01/2016 của anh Hoàng Văn H1 và quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn H2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh Hoàng Văn H1 kết hôn với chị Nguyễn Thị Q vào năm 2000. Năm 2014, do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số: 35/2014/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông. Về tài sản chung và nợ chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn, chị Q không chia tài sản cho anh, bản thân anh bị bệnh nặng, đang ở cùng bố mẹ, không còn khả năng lao động. Quá trình chung sống anh chị đã tạo lập được một số tài sản cụ thể:

01 căn nhà ở vách ván, cửa gỗ, nền láng xi măng, mái lợp ngói, diện tích 27,5m²; nhà bếp diện tích 34,65m²; 01 chuồng heo diện tích 16,74m², tọa lạc trên thửa đất có chiều rộng 07m, chiều dài khoảng 48m, tại thôn Đ2, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Nguồn gốc thửa đất do anh chị nhận chuyển nhượng của NLQ1 (*cha mẹ chị Q*), có làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay với số tiền 28.000.000 đồng, đã trả được 10.000.000 đồng, số tiền còn lại hẹn khi nào trả đủ thì NLQ1 mới làm thủ tục tách thửa, sang tên cho anh chị. Số tài sản này nguyện vọng của anh xin được chia đôi và được nhận giá trị bằng tiền là 33.076.500 đồng.

Ngoài số tài sản trên, vào năm 1996, NLQ2 (*cha mẹ anh*) có khai hoang được diện tích đất 34.061m². Năm 2000, NLQ2 cho anh chị mượn để canh tác, khi mượn

không làm giấy tờ, anh chị đã trồng được 720 cây cà phê và 556 cây điều, hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh yêu cầu chị Q phải trả lại quyền sử dụng đất cho NLQ2, tài sản trên đất yêu cầu được chia đôi bằng hiện vật.

Về nợ chung: khoảng năm 2011, trong thời gian anh chị sống ly thân, do anh bị bệnh nên bà Bé Thị C (*mẹ anh*) có vay của NLQ3 số tiền 50.000.000 đồng để chữa bệnh, có viết giấy vay tiền. Đến tháng 01/2013 (*không nhớ ngày*), NLQ3 mang đến nhà bà C cho vay thêm 30.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền. Ngày 05/11/2013, anh tiếp tục vay của NLQ3 số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 1,1%/tháng, không xác định thời hạn trả nợ, mục đích vay để trả cho NLQ3 số tiền 80.000.000 đồng đã vay trước đó. Hiện nay anh vẫn còn nợ NLQ3 số tiền 80.000.000 đồng. Tại thời điểm anh vay tiền chị Q không biết, nhưng anh chị vẫn chưa ly hôn, mục đích vay để chữa bệnh cho anh, nên anh yêu cầu chị Q phải có trách nhiệm liên đới cùng anh trả số tiền trên cho NLQ3.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Lời khai của anh H1 về việc kết hôn, ly hôn và diện tích đất, tài sản trên đất do anh chị nhận chuyển nhượng của ông NLQ1 là đúng. Tuy nhiên, anh chị mới trả được cho NLQ1 số tiền 10.000.000 đồng, tương đương với 35,7%. Do đó, chị đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên bị vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Đối với diện tích đất trồng cà phê là do anh chị tự khai hoang vào năm 2000 – 2001, diện tích 37.214m², nguồn gốc đất do NLQ4 quản lý, không phải do NLQ2 khai hoang và cho anh chị mượn. Sau khi khai hoang, anh chị đã trồng được 720 cây cà phê và 556 cây điều. Ngoài ra, năm 2016 chị trồng xen được 43 trụ tiêu, nay anh H1 khởi kiện yêu cầu chị trả lại quyền sử dụng đất rẫy cho NLQ2, chị không chấp nhận. Nguyên vọng của chị xin được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất rẫy và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất để có điều kiện nuôi dưỡng các con, chị thanh toán cho anh H1 ½ giá trị cây trồng trên đất theo kết quả định giá tài sản.

Về nợ chung: chị không chấp nhận khoản nợ anh H1 và bà C đã vay của NLQ3, vì thời điểm đó chị và anh H1 đã sống ly thân nên chị không có trách nhiệm trả nợ.

NLQ2 có yêu cầu độc lập trình bày: Vào năm 1996, ông bà khai hoang được thửa đất có diện tích khoảng 02ha để trồng hoa màu, đến năm 2000 ông bà cho anh H1 và chị Q mượn sử dụng, khoảng năm 2002, anh H1 và chị Q trồng cây cà phê và cây điều trên đất. Hiện nay anh H1 và chị Q đã ly hôn, ông bà yêu cầu anh H1 và chị Q phải trả lại quyền sử dụng đất cho ông bà. Đối với cây trồng trên đất ông

bà không có trách nhiệm thanh toán lại cho anh H1 và chị Q, vì ông bà đã nuôi anh H1 từ năm 2011 còn chị Q được hưởng hoa lợi từ năm 2011 cho đến nay.

NLQ1 có yêu cầu độc lập trình bày: Ngày 18/4/2007, ông bà có chuyển nhượng cho anh H1 và chị Q một lô đất thổ cư có chiều dài 48m, chiều rộng 07m, nằm trong thửa đất số 198, tờ bản đồ số 07, tổng diện tích 2640m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ NLQ1. Hai bên có làm giấy viết tay với số tiền chuyển nhượng là 28.000.000 đồng, đã trả được 10.000.000 đồng, số tiền còn lại hẹn khi nào anh H1 và chị Q trả đủ thì ông bà mới làm thủ tục tách thửa, sang tên quyền sử dụng đất cho anh H1 và chị Q. Sau khi chuyển nhượng anh H1 và chị Q đã làm 01 căn nhà chia làm 02 phần, nhà chính diện tích 27,5m², nhà bếp diện tích 34,65m² và chuồng heo có diện tích 16,74m². Ông bà cho rằng toàn bộ tài sản trên đất là do ông bà bỏ tiền ra mua vật liệu, anh H1 và chị Q chỉ đóng góp công sức xây dựng. Hiện nay toàn bộ thửa đất ông bà đã thế chấp tại Ngân hàng Thương mại AC. Nay ông bà yêu cầu Tòa án xem xét hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông bà với anh H1 và chị Q, ông bà chấp nhận trả lại cho anh H1 và chị Q số tiền 10.000.000 đồng. Hiện nay chị Q và 02 cháu con anh H1 đang quản lý, sử dụng nhà và đất.

NLQ4 trình bày: Diện tích đất hiện nay chị Q đang sử dụng thuộc khoảnh 4, tiểu khu 1247, đất trồng rừng do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông giao cho Công ty T quản lý. Hiện nay Công ty đã giải thể theo Quyết định số: 1123/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông. Ngày 30/12/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số: 2444/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty T giao cho Ủy ban nhân dân huyện K quản lý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NLQ3 trình bày: Khoảng năm 2011, NLQ3 có cho bà Bê Thị C vay 50.000.000 đồng để chữa bệnh cho anh H1. Đến đầu tháng 01/2013 (*không nhớ ngày*), NLQ3 cho bà C vay tiếp 30.000.000 đồng để chữa bệnh cho anh H1, các lần vay tiền NLQ3 đều ghi vào sổ do NLQ3 giữ. Do nhiều lần NLQ3 yêu cầu bà C trả tiền nhưng bà C không có tiền để trả, nên vào ngày 05/11/2013, anh H1 và bà C đến nhà NLQ3 vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 1.1%/tháng, không thỏa thuận thời hạn thanh toán, hai bên có viết giấy vay tiền, anh H1 trực tiếp ký và nhận tiền. Tổng số tiền vay là 160.000.000 đồng. Ngay sau khi nhận 80.000.000 đồng, anh H1 đã trả cho NLQ3 số tiền 80.000.000 đồng bà C đã vay trước đó. Hiện nay anh H1 còn nợ NLQ3 số tiền 80.000.000 đồng. Nay NLQ3 yêu cầu bà C phải trả lại cho NLQ3 số tiền 80.000.000 đồng tiền gốc và tính lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án NLQ3 không có đơn yêu cầu độc lập và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 02/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3, khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Áp dụng Điều 33; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 127; Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 11; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Hoàng Văn H1 về phân chia tài sản chung, cụ thể:

Buộc chị Nguyễn Thị Q phải thanh toán cho anh Hoàng Văn H1 một nửa giá trị của căn nhà chính, nhà bếp, chuồng heo là tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất thổ cư tọa lạc tại thôn Đ2, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông với số tiền 18.855.000 đồng. Buộc chị Nguyễn Thị Q phải thanh toán cho anh Hoàng Văn H1 một nửa giá trị của cây điều và cây cà phê là tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất tọa lạc tại thôn Đ1, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông với số tiền 90.573.000 đồng. Chị Q được tiếp tục quản lý, sử dụng thu hoạch toàn bộ tài sản trên đất đối với thửa đất nằm trong khoảnh 4, tiểu khu 1247 gồm có: 720 cây cà phê trị giá 152.648.000 đồng, 556 cây điều trị giá 28.498.000 đồng, 43 trụ tiêu trị giá 2.440.000 đồng. Chị Q có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật đất đai trong quá trình quản lý sử dụng số tài sản trên đất. Tổng cộng chị Nguyễn Thị Q phải thanh toán cho anh Hoàng Văn H1 là 109.428.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn H1 về việc chia đôi toàn bộ giá trị thửa đất đối với phần diện tích đất nằm trong thửa đất của NLQ2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 107749, thửa đất số 198, tờ bản đồ số 07.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn H1 về việc chị Nguyễn Thị Q phải trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất nằm trong khoảnh 04, tiểu khu 1247 đã cấp cho Công ty T cho NLQ1.

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn H1 về việc chị Nguyễn Thị Q phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho NLQ3.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của NLQ1 về việc buộc chị Nguyễn Thị Q phải trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất nằm trong khoảnh 4, tiểu khu 1247 đã cấp cho Công ty T cho NLQ1.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông NLQ2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông NLQ2 với anh Hoàng Văn H1, chị Nguyễn Thị Q bị vô hiệu. NLQ2 có trách nhiệm thanh toán cho anh Hoàng Văn H1, chị Nguyễn Thị Q số tiền 10.000.000 đồng, anh H1 và chị Q mỗi người được nhận 5.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả.

Buộc anh Hoàng Văn H1, chị Nguyễn Thị Q phải trả cho NLQ2 toàn bộ diện tích đất chị Q đang sử dụng, nằm trong thửa đất của NLQ2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 107749, thửa đất số 198, tờ bản đồ số 07 (có tuyên từ cận và số liệu các cạnh).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/3/2017, nguyên đơn anh Hoàng Văn H1 kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chia cho anh H1 được quản lý $\frac{1}{2}$ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất thuộc khoảnh 4, tiểu khu 1247, tọa lạc tại thôn Đ1, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết vụ án, được thể hiện ở Biên bản hòa giải ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, nội dung thỏa thuận cụ thể như sau:

* Tạm giao cho chị Nguyễn Thị Q được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 17.122,8m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, thuộc khoảnh 4, tiểu khu 1247 cho đến khi có quyết định của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông về việc quy hoạch quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại thôn Đ1, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, có tứ cận:

- Phía Đông giáp phần đất giao cho anh Hoàng Văn H1 được xác định bằng hai cọc tre: cọc số 01 tính từ gốc cây đa kéo về hướng Nam theo ranh giới với đất của ông Nguyễn Văn T, cạnh dài 25,58m và 6,57m; cọc số 02 tính từ gốc cây mít giáp ranh với đất của ông Hoàng Văn T2 theo hướng Nam dài 6,85m.

- Phía Tây Bắc giáp với đất của ông Nguyễn Văn T tính từ cọc số 01 kéo dài về hướng Tây có các cạnh như sau: 6,56m; 38,43m; 17,04m; 12,41m; 15,2m; 20,01m và 21,49m.

- Phía Tây Nam giáp với đất của anh Hoàng Văn H2 có các cạnh như sau: 73,94m; 6,80m; 35,25m; 19,71m; 20,6m; 23,19m; 7,0m; 34,49m; 28,99m và 32,94m.

- Phía Nam giáp với đất của bà T có cạnh dài 27,59m.

- Phía Đông Nam giáp với đất của ông Hoàng Văn T có các cạnh dài: 63,24m và 6,85m.

* Tạm giao cho anh Hoàng Văn H1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 16.938,2m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, thuộc khoảnh 4, tiểu khu 1247 cho đến khi có quyết định của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông về việc quy hoạch quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại thôn Đ1, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, có tứ cận:

- Phía Tây giáp với diện tích đất tạm giao cho chị Nguyễn Thị Q như đã mô tả ở trên.

- Phía Tây Bắc giáp với đất của ông Nguyễn Văn T1 có các cạnh dài 6,57m và 25,58m.

- Phía Đông Bắc giáp với đất của ông Vương Hà T có các cạnh dài 34,19m; 15,56m; 8,17m; 7,44m và 104,27m.

- Phía Đông Nam giáp với đất trồng điều của bà Bé Thị C có các cạnh dài: 50,0m; 93,85m; 35,09m và 17,41m.

- Phía Nam giáp với đất của ông Hoàng Văn T có các cạnh dài 7,64m và 6,85m.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm anh Hoàng Văn H1 và chị Nguyễn Thị Q. Trả lại cho anh Hoàng Văn H1 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 007338 ngày 19/4/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm, anh Hoàng Văn H1 và chị Nguyễn Thị Q mỗi người phải chịu 5.410.000đ (*năm triệu bốn trăm mười nghìn đồng*), anh H1 được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Do anh H1 đã nộp tạm ứng trước, nên chị Nguyễn Thị Q phải trả lại cho anh Hoàng Văn H1 5.410.000đ (*năm triệu bốn trăm mười nghìn đồng*).

- Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 4.200.000đ (*bốn triệu hai trăm nghìn đồng*), anh Hoàng Văn H1 tự nguyện nộp toàn bộ, được khấu trừ vào số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) anh Hoàng Văn H1 đã tạm ứng trước đó. Trả lại cho anh Hoàng Văn H1 5.800.000đ (*năm triệu tám trăm nghìn đồng*), anh H1 đã nhận vào ngày 08/8/2017.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 28 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh Hoàng Văn H1 phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003464 ngày 16/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đúng như nội dung Biên bản hòa giải ngày 08/8/2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

- Về tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hoàng Văn H1, sửa Bản án sơ thẩm số: 02/2017/HNGĐ-ST ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông, công nhận sự thoả thuận của các đương sự đúng như Biên bản hòa giải ngày 08/8/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy việc thoả thuận của các đương sự tại Biên bản hòa giải ngày 08/8/2017 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 02/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông, công nhận sự thoả thuận của các đương sự đúng như Biên bản hòa giải ngày 08/8/2017.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 33, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 28 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hoàng Văn H1.

2. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 02/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông, công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tạm giao cho chị Nguyễn Thị Q được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 17.122,8m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, thuộc khoảnh 4, tiểu khu 1247 cho đến khi có quyết định của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông về việc quy hoạch quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại thôn Đ1, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, có tứ cận:

- Phía Đông giáp phần đất giao cho anh Hoàng Văn H1 được xác định bằng hai cọc tre: cọc số 01 tính từ gốc cây đa kéo về hướng Nam theo ranh giới với đất của ông Nguyễn Văn T, cạnh dài 25,58m và 6,57m; cọc số 02 tính từ gốc cây mít giáp ranh với đất của ông Hoàng Văn T theo hướng Nam dài 6,85m.

- Phía Tây Bắc giáp với đất của ông Nguyễn Văn T tính từ cọc số 01 kéo dài về hướng Tây có các cạnh như sau: 6,56m; 38,43m; 17,04m; 12,41m; 15,2m; 20,01m và 21,49m.

- Phía Tây Nam giáp với đất của anh Hoàng Văn H2 có các cạnh như sau: 73,94m; 6,80m; 35,25m; 19,71m; 20,6m; 23,19m; 7,0m; 34,49m; 28,99m và 32,94m.

- Phía Nam giáp với đất của bà T có cạnh dài 27,59m.

- Phía Đông Nam giáp với đất của ông Hoàng Văn T có các cạnh dài: 63,24m và 6,85m.

2.2. Tạm giao cho anh Hoàng Văn H1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 16.938,2m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, thuộc khoảnh 4, tiểu khu 1247 cho đến khi có quyết định của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông về việc quy hoạch quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại thôn Đ1, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, có tứ cận:

- Phía Tây giáp với diện tích đất tạm giao cho chị Nguyễn Thị Q như đã mô tả ở trên.

- Phía Tây Bắc giáp với đất của ông Nguyễn Văn T có các cạnh dài 6,57m và 25,58m.

- Phía Đông Bắc giáp với đất của ông Vương Hà T có cạnh dài 34,19m; 15,56m; 8,17m; 7,44m và 104,27m.

- Phía Đông Nam giáp với đất trồng điều của bà Bé Thị C có các cạnh dài: 50,0m; 93,85m; 35,09m và 17,41m.

- Phía Nam giáp với đất của ông Hoàng Văn T có các cạnh dài 7,64m và 6,85m.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hoàng Văn H1 và chị Nguyễn Thị Q; trả lại cho anh Hoàng Văn H1 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 007338 ngày 19/4/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm, anh Hoàng Văn H1 và chị Nguyễn Thị Q mỗi người phải chịu 5.410.000đ (*năm triệu bốn trăm mười nghìn đồng*), anh H1 được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã

nộp. Do anh H1 đã nộp tạm ứng trước, nên chị Nguyễn Thị Q phải trả lại cho anh Hoàng Văn H1 5.410.000đ (*năm triệu bốn trăm mười nghìn đồng*).

- Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 4.200.000đ (*bốn triệu hai trăm nghìn đồng*), anh Hoàng Văn H1 tự nguyện nộp toàn bộ, được khấu trừ vào số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) anh Hoàng Văn H1 đã tạm ứng trước đó. Trả lại cho anh Hoàng Văn H1 5.800.000đ (*năm triệu tám trăm nghìn đồng*), anh H1 đã nhận vào ngày 08/8/2017.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Hoàng Văn H1 phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003464 ngày 16/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký, đóng dấu*)

Phạm Thị Thông